

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-12-2020  
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con  
chung giữa anh H với chị T”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 688/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 339/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Thạnh, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Phước, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn anh Phạm Thanh H trình bày:*

1. Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 11/12/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lâu dài với nhau được nữa, vợ chồng ly thân 05 đến 06 năm. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009, hiện hai cháu đang sống chung với chị T, anh H đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng (02 cháu/4.000.000đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:*

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của anh H về quá trình đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do anh H có quan hệ bất chính bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Chị khai nhận vợ chồng ly thân khoảng 02 năm. Nay chị T không đồng ý ly hôn, chị còn thương chồng thương con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009, hiện hai cháu đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000đồng/tháng (02 cháu/6.000.000đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng (02 cháu 6.000.000 đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động. Chị T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho anh H ly hôn chị T, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009, hiện hai cháu đang sống chung với chị T. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chiến, cháu Hưng. Xét thấy, hiện 02 cháu Chiến, Hưng đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H và chị T đều thống nhất giao 02 cháu Chiến, Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Chiến, Hưng cho chị T được tiếp tục, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị chấp nhận theo sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng (02 cháu là 6.000.000 đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Chiến, cháu Hưng; Biên bản xác minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị T chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện C, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị T với lý do: Anh và chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân khoảng 5, 6 năm. Chị T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng ly thân chỉ 2, 3 năm chứ không phải 5, 6 năm như anh H trình bày, anh H có quan hệ bất chính bên ngoài nên mới ly hôn, chị còn thương chồng, thương con muốn đoàn tụ gia đình, xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, chị T giữ quan điểm không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống

gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vợ chồng pH thương yêu, tôn trọng, đối xử lịch thiệp văn minh với nhau nhưng anh chị thường xuyên cãi vã, gây mất tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng ly thân, mặc dù 02 bên có trình bày thời gian ly thân có khác nhau nhưng đều thể hiện thời gian ly thân là lâu (ít nhất cũng đã 02 năm). Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung T, sống chung với nhau, nhưng anh chị không sống chung, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh H yêu cầu yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009, hiện hai cháu đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chiến, cháu Hưng. Anh H cũng đồng ý giao hai cháu Chiến, Hưng cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các anh chị, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Chiến, cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Anh Phạm Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng, hai cháu là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu tại phiên hòa giải của chị T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh H.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phạm Thanh H pH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006013 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh H pH nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thanh H. Anh Phạm Thanh H được ly hôn với chị Bùi Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh H và chị T có 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009, hiện hai cháu đang sống chung với chị T.

2.2. Giao 02 con chung tên Phạm Thanh Chiến, sinh ngày 05/01/2004 và Phạm Khánh Hưng, sinh ngày 30/3/2009 cho chị Bùi Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Phạm Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu Chiến, cháu Hưng mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng (02 cháu là 6.000.000 đồng) kể từ ngày 01/12/2020 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Thanh H pH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006013 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh H pH nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Tuấn    Huỳnh Văn Hùng**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**NAM**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH AN GIANG**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-



UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.
- Về án phí: Anh Tùng pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi